

Bản án số: **74** /2017/DS – ST

Ngày: 15-12-2017

V/v “Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thọ

2. Ông Đặng Văn Đề

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Thành – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Cang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2017/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2017/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2017/QĐST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Việt T, sinh năm: 1983; Hộ khẩu thường trú: khu phố A, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; địa chỉ: đường T, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Lê Như S, sinh năm 1977; Hộ khẩu thường trú: đường N, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Chỗ ở: đường L, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Trần Trí Đ, sinh năm 1977; Hộ khẩu thường trú: đường N, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Chỗ ở: đường L, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

3.2 Bà Lê Mỹ A, sinh năm: 1982; Địa chỉ: đường T, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. *Người làm chứng:*

4.1 Bà Lê Ngọc A, sinh năm: 1985; Địa chỉ: ấp P, xã T, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.2 Bà Trần Thị Thanh Th, sinh năm: 1980; Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.3 Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1984; địa chỉ: khu phố A, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/9/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Việt T trình bày:

Ngày 07/01/2017, ông T cho bà S vay số tiền 900.000.000 đồng, không thời hạn, trả lãi hàng tháng nhưng không quy định mức lãi suất. Đối với khoản vay này, bà S đã trả cho ông T tiền lãi với mức lãi suất 3%/tháng cho thời gian vay từ tháng 01/2017 đến tháng 5/2017. Từ tháng 6/2017, bà S không trả bất kỳ khoản tiền gốc, lãi nào.

Ngày 12/6/2017, ông T tiếp tục cho bà S số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn 10 ngày từ ngày 12/6/2017 đến ngày 22/6/2017, không có lãi. Đối với khoản vay này, bà S chưa trả tiền gốc.

Tổng cộng số tiền bà S vay là 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Các lần vay tiền trên đều có viết giấy tay, bà S đã đọc và đồng ý ký tên. Bà S vay không có tài sản thế chấp, mục đích để làm thủ tục nhà, đất và sử dụng trong gia đình. Đến tháng 9/2017, bà S cố tình lẩn tránh không trả nợ cho ông T.

Bà S cho rằng số tiền bà S thực nhận của ông T là 630.000.000 đồng, còn số tiền 570.000.000 đồng là bà S vay giùm như thế nào ông không đồng ý vì ông đã giao toàn bộ 1.200.000.000 đồng trực tiếp cho bà S.

Ông T cũng xác định, mặc dù các lần bà S đến mượn tiền và giao nhận tiền không có ông Đ, nhưng vì ông Đ là chồng bà S và khi bà S bỏ nhà đi thì ông Đ đã trực tiếp liên hệ với ông T và trả tiền thay bà S nên ông Đ phải có trách nhiệm liên đới cùng bà S trả nợ cho ông T. Vì thế, ông T yêu cầu bà S và ông Đ có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng), không yêu cầu lãi suất.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Lê Như S trình bày:

Bà S xác nhận 02 Giấy mượn tiền ngày 07/01/2017 và 12/6/2017 là do người làm chứng Nguyễn Ngọc H viết và bà có đọc lại, ký tên xác nhận nợ, việc ký tên là tự nguyện, không bị ép buộc. Bà S cũng thừa nhận bà đã nhận đủ số tiền 900.000.000 đồng và 300.000.000 đồng; tổng cộng 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng) từ ông T theo như ông T trình bày. Tuy nhiên, trong tổng số tiền trên, số tiền 630.000.000 đồng là bà vay để sử dụng trong gia đình; số tiền 170.000.000 đồng là vay giùm Trần Thị Thanh Th và vay giùm Lê Ngọc A số tiền 400.000.000 đồng. Sở dĩ bà S ký nhận giùm Ngọc A, Th số tiền trên vì nghĩ

họ sẽ trả lại nhưng họ không thực hiện đúng cam kết và việc bà cho họ vay tiền cũng không có giấy tờ gì thể hiện.

Bà S cho rằng khi vay tiền của ông T từ tháng 01/2017 đã trả lãi hàng tháng cho ông T theo lãi suất 9%/tháng không phải 3%/tháng như ông T trình bày và việc trả lãi là do anh em tin tưởng nhau nên không lập giấy tờ gì cả. Bà cũng không yêu cầu Tòa án tính toán lại đối với tiền lãi trên.

Nay ông T yêu cầu bà S và chồng bà S là ông Đ cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền là 1.200.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi; bà chỉ đồng ý cùng chồng bà là ông Đ trả số tiền 630.000.000 đồng là số tiền thực tế bà đã nhận; đối với số tiền 570.000.000 đồng là do Th và Ngọc A vay thì họ phải có nghĩa vụ trả cho ông T, bà không đồng ý trả.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Trí Đ trình bày:

Ông Đ và bà S kết hôn từ năm 2003. Khi bà S vay tiền của ông T thì ông Đ không trực tiếp tham gia và cũng không biết gì về quá trình giao dịch vay mượn và trả lãi giữa ông T và bà S. Số tiền bà S vay mượn của ông T đều do bà S tự sử dụng làm ăn bên ngoài, ông không biết và cũng không sử dụng khoản tiền này.

Ông hoàn toàn đồng ý với toàn bộ quan điểm của bà S. Vì ông và bà S là vợ chồng nên ông đồng ý cùng bà S trả cho ông T số tiền bà S thực nhận là 630.000.000 đồng, còn số tiền 570.000.000 đồng Th và Ngọc A nhận thì họ phải có nghĩa vụ trả cho ông T, ông Đ không đồng ý trả.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Mỹ A trình bày:

Bà là vợ ông T. Việc ông T cho bà S vay tiền là tiền cá nhân của ông T, bà không biết và không liên quan.

Bà Mỹ A xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải, xét xử tại Tòa án vì lý do sức khỏe.

Theo bản tự khai người làm chứng ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Ông là người được ông T, bà S nhờ viết giùm Giấy mượn tiền và cũng là người biết về việc bà S vay tiền của ông T ngày 07/01/2017, 12/6/2017. Khi đó quan hệ giữa bà S và ông T rất thân tình. Sau khi viết xong, ông T đưa bà S đọc lại toàn bộ nội dung và bà S đã ký tên vào. Sau đó, ông ra về và không biết thêm chuyện gì đến nay.

Ông H xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải, xét xử tại Tòa án vì lý do công việc.

Theo bản tự khai người làm chứng bà Trần Thị Thanh Th trình bày:

Bà Th là bạn của bà S, không quen biết ông T, việc bà S vay tiền của ông T, bà không liên quan. Bà S cho rằng bà Th có vay của ông T số tiền 170.000.000 đồng là không đúng vì bà không vay tiền của bà S hay ông T gì cả. Bà Th xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải, xét xử tại Tòa án vì lý do công việc.

Theo bản tự khai người làm chứng bà Lê Ngọc A trình bày:

Bà Ngọc A là chỗ quen biết của bà S. Việc bà S làm ăn chung hay vay tiền của ông T, bà hoàn toàn không biết và không liên quan. Bà Ngọc A xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải, xét xử tại Tòa án vì lý do công việc.

Tại phiên Tòa:

- Nguyên đơn ông T yêu cầu vợ chồng bà S ông Đ có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền là 630.000.000 đồng; đồng thời yêu cầu bà S có trách nhiệm trả cho ông số tiền 570.000.000 đồng; ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Đ - chồng bà S có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền là 570.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Huỳnh Lê Như S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Trí Đ giữ nguyên quan điểm của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa có quan điểm: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: về phía đại diện nguyên đơn, đại diện bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình khi tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả cho nguyên đơn số tiền là 1.200.000.000 đồng;

Về án phí, lệ phí đề nghị bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông T tranh chấp với bà S, ông Đ số tiền 1.200.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền nên Tòa án xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”; Các đương sự hiện cư trú tại thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Đ có trách nhiệm liên đới cùng bà S trả cho ông số tiền là 570.000.000 đồng; xét việc thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Mỹ A, người làm chứng ông Nguyễn Ngọc H, bà Trần Thị Thanh Th, bà Lê

Ngọc A có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà S thừa nhận bà có nhận của ông T tổng cộng số tiền 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu) đồng theo 2 Giấy mượn tiền ngày 07/01/2017 và 12/6/2017 nên việc bà S vay tiền của ông T là có thật.

Tòa án đã ra Quyết định số 118/2017/QĐ-CCTLCC ngày 25/10/2017 yêu cầu bà S cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc bà S vay giùm bà Th 170.000.000 đồng, vay giùm bà Ngọc A 400.000.000 đồng như lời bà S trình bày nhưng bà S không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Mặt khác, bà Th, bà Ngọc A khẳng định không biết, không liên quan đến việc vay tiền giữa bà S, ông T cũng như hoàn toàn không vay tiền của bà S. Theo Điều 315 Bộ luật dân sự quy định về việc chuyển giao nghĩa vụ dân sự: “Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ dân sự cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý...”; trong trường hợp này bà S không cung cấp được chứng cứ đã vay số tiền trên giùm cho bà Th, bà Ngọc A và bên có quyền là ông T cũng không đồng ý việc chuyển giao nghĩa vụ dân sự. Vì vậy không có đủ căn cứ để xem xét đối với quan điểm của phía bà S, ông Đ khi cho rằng chỉ có nợ ông T số tiền 630.000.000 đồng còn 570.000.000 đồng là vay giùm người khác. Ông T nhiều lần yêu cầu nhưng bị đơn không trả bất cứ khoản vay nào. Như vậy, bà S, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận giữa các bên.

Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để khẳng định ngày 07 tháng 01 năm 2017 và ngày 12/6/2017 ông T cho bà S vay số tiền tổng cộng là 1.200.000.000 đồng nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đối với bà S, ông Đ.

[2.2] Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, ông Đ cho rằng khoản tiền bà S vay của ông T ông không biết nhưng vẫn đồng ý cùng bà S trả cho ông T số tiền 630.000.000 đồng, còn lại 570.000.000 đồng ông không đồng ý. Xét, theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới do một bên thực hiện giao dịch, hơn nữa bà S thừa nhận bà dùng số tiền này để nhằm phục vụ cuộc sống gia đình nên ông Đ phải có trách nhiệm liên đới cùng bà S trả số tiền 630.000.000 đồng cho ông T.

Đối với số tiền 570.000.000 đồng, ông Đ cho rằng không biết, bà S cho rằng nhận tiền trực tiếp từ ông T là vay giùm người khác, ông T không yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ liên đới cùng bà S trả khoản tiền này nên Hội đồng xét xử buộc cá nhân bà S có trách nhiệm trả số tiền 570.000.000 đồng cho ông T.

[2.3] Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T phát hiện bà S, ông Đ có hành vi tẩu tán tài sản bằng việc sang nhượng tài sản cho người khác nên có làm đơn yêu cầu Tòa án ngăn chặn. Vì vậy để đảm bảo việc thi hành án sau này, cần tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2017/QĐ – BPKCTT ngày 06/10/2017 về việc phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa số 523, tờ bản đồ số 17 tại phường Long Tâm, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 027685 do UBND thị xã (nay là thành phố) Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 08/8/2011 đứng tên ông Trần Trí Đ.

Ông T, bà Lê Mỹ A xác nhận số tiền ông T cho bà S vay là tiền riêng của ông T, không phải là tài sản chung của vợ chồng nên yêu cầu bà S có trách nhiệm trả nợ cho cá nhân ông T, không liên quan đến bà Mỹ A.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà S, ông Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được tính trên giá trị tranh chấp là $20.000.000đ + 4\% (630.000.000đ - 400.000.000đ) = 29.200.000đ$ (Hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng) và bà S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được tính trên giá trị tranh chấp là $20.000.000đ + 4\% (570.000.000đ - 400.000.000đ) = 26.800.000đ$ (Hai mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

+ Do đơn khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, điều 227, điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 469, Điều 470 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Huỳnh Lê Như S và ông Trần Trí Đ.

1. Buộc bà Huỳnh Lê Như S và ông Trần Trí Đ có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Việt T số tiền 630.000.000đ (Sáu trăm ba mươi triệu đồng).

2. Buộc bà Huỳnh Lê Như S trả cho ông Nguyễn Việt T số tiền 570.000.000đ (Năm trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Việt T về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Trí Đ có trách nhiệm liên đới cùng bà Huỳnh Lê Như S trả cho ông Nguyễn Việt T số tiền 570.000.000đ (Năm trăm bảy mươi triệu đồng).

4. Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2017/QĐ – BPKCTT ngày 06/10/2017 về việc phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa số 523, tờ bản đồ số 17 tại phường Long Tâm, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 027685 do UBND thị xã (nay là thành phố) Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa –

Vũng Tàu cấp ngày 08/8/2011 đứng tên ông Trần Trí Đ để đảm bảo việc thi hành án.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Huỳnh Lê Như S và ông Trần Trí Đ phải nộp 29.200.000đ (Hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng) và bà Huỳnh Lê Như S phải nộp 26.800.000đ (Hai mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Việt T số tiền 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số TU/2016/0008024 ngày 03/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm . Đối với người vắng mặt thì thời hạn này tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THA DS thành phố Bà Rịa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung

